**PHỤ LỤC I**

MẪU SỔ THỐNG KÊ TAI NẠN LAO ĐỘNG CẤP CƠ SỞ
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

**SỔ THỐNG KÊ TAI NẠN LAO ĐỘNG NĂM ….**

- Tên doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là cơ sở): ………………………………

- Cơ quan quản lý cấp trên: ………………….. - Lĩnh vực sản xuất chính của cơ sở1: …………………………………

- Thuộc loại hình cơ sở2: …………………………… Mã loại hình cơ sở:

- Tổng số lao động bình quân trong năm: …… người; trong đó nữ: …… người

- Tổng quỹ lương: ……………………..triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Mã số bảo hiểm xã hội | Giới tính | Năm sinh | Nghề nghiệp 3 | Tuổi nghề (năm) | Mức lương (1.000đ) | Trình độ | Bậc thợ | Loại hợp đồng lao động 4 | Nơi làm việc5 (tổ/ đội/ phân xưởng/ phòng/ ban) | Nơi xảy ra tai nạn lao động | Ngày, Giờ, Số giờ đã làm việc trong ca, ngày làm việc cho đến khi tai nạn xảy ra | Yếu tố gây chấn thương6 | Loại chấn thương7 | Đã huấn luyện ATVSLĐ | Nguyên nhân gây ra lao động8 | Tình trạng thương tích | Thiệt hại | Ghi chú |
| Chết | Bị thương | Tổng số ngày nghỉ vì tai nạn lao động9 | Chi phí tính bằng tiền (1.000 đ) | Thiệt hại tài sản (1.000đ) |
| Nặng | . Nhẹ | Tổng số | Khoản chi cụ thể |
| Y tế | Trả lương trong thời gian điều trị | Bồi thường / Trợ cấp | Chi phí khác |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 13 | 16 | 17 | 18 | 19 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng số |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

1 Ghi tên, ngành, mã ngành theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.

2 Ghi tên, mã số theo danh mục và mã số các đơn vị kinh tế, hành chính sự nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành trong báo cáo thống kê, thống nhất ghi cấp 1.

3 Ghi tên và mã số nghề nghiệp theo danh mục nghề nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo Luật Thống kê, thống nhất ghi cấp 3.

4 Ghi có hợp đồng lao động (ghi rõ: không xác định thời hạn; xác định thời hạn; theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định thời hạn dưới 12 tháng) hoặc không có hợp đồng lao động.

5 Ghi theo cơ cấu tổ chức của đơn vị (không phải là vị trí làm việc).

6 Ghi tên và mã số của 01 yếu tố chính gây chấn thương trong danh mục các yếu tố gây chấn thương quy định tại Phụ lục IV Thông tư này.

7 Ghi theo danh mục các chấn thương đã xác định loại tai nạn lao động nặng ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 39/2016/NĐ-CP.

8 Ghi 01 nguyên nhân chính gây tai nạn lao động theo nguyên nhân tại biên bản điều tra tai nạn lao động.

9 Tất cả những vụ tai nạn lao động làm cho người lao động thuộc quyền quản lý phải nghỉ làm việc từ một ngày trở lên đều phải được thống kê để báo cáo tai nạn lao động.